

... TINH THẦN CHU VĂN AN

CUNG ĐÌNH THANH

Đã là người đi học, không mấy ai không yêu mến ngôi trường của mình, không trân quý những kỷ niệm thừa học trò. Nhưng ít có học sinh trường nào yêu mến và trân quý đến độ hãnh diện về trường mình như học sinh Chu Văn An. Thực vậy, đã qua vài ba thế hệ ở những lứa tuổi khác nhau, từ ông đến cháu, ít thấy có người học sinh Bưởi - Chu Văn An nào không hãnh diện về tên của trường mình. Tình cảm đặc biệt này từ đâu mà có? Phải chăng vì Chu Văn An có nhiều thầy giỏi, dạy hay nên đã đào tạo được nhiều nhân tài? Điều này không phải là sai, nhưng cùng thời với Chu Văn An, Việt Nam cũng có nhiều trường có thầy giỏi như Quốc học Huế, Đồng Khánh, Pétrus Ký, Gia Long, Trưng Vương, Chasseloup Laubat, Albert Sarraut ... nhưng học sinh đâu có “mê” trường mình như Chu Văn An? Hay phải chăng Chu Văn An đã đào tạo được nhiều nhân tài có lòng với đất nước? Điều đó cũng đúng nữa. Đã có thời, những chuyên gia hàng đầu phụng sự đất nước gần như đâu đâu cũng có sự góp sức của môn sinh Chu Văn An. Nhưng đó cũng chưa hẳn là nguyên do của lòng hãnh diện khá đặc biệt kia. Vậy chắc phải có một nguyên do nào khác. Nguyên do gì?

Chúng ta hãy thử cùng tìm hiểu xem có phải nguyên do đó phát xuất từ một yếu tố tinh thần đặc biệt tạm gọi là “**Tinh thần Chu Văn An**” và cũng chỉ xin bàn tóm lược vào ba điểm lớn:

I - Tinh thần Chu Văn An = Tinh thần Quốc học

Chữ Quốc học lần đầu tiên có lẽ xuất hiện dưới triều Trần Thái Tông (1225 - 1258), khi vua, vào năm Nguyên Phong (1251), đã tự tay viết bài minh để dạy các hoàng tử và cho lập Viện Quốc Học. Thực ra, tinh thần quốc học đã mạnh nha từ trước đó khá lâu, ít ra là từ đời Lý Thánh Tông (1070), khi cho dựng lập Văn miếu cùng lúc với việc lập cư sĩ đoàn Phật giáo, vừa có mục đích đào tạo nhân tài cho quốc gia vừa có mục đích đưa đạo vào đời. Tinh thần quốc học mạnh nha đó đã đơm bông kết trái, và cái “trái” đầu tiên có lẽ là bài thơ thần của Lý Thường Kiệt:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư*

Nhưng ở đời Lý, chữ quốc học chưa được nói đến. Cái “tinh thần quốc học” cũng chỉ mới mạnh nha. Phải đợi đến đời Trần mọi việc mới được công bố rõ rệt: cùng năm Quý Sửu:



- Tháng 6 lập Viện Quốc Học, tô tượng Khổng Tử, Chu Công, Á Thánh, 72 hiền tài để thờ.
- Tháng 8 lập Giảng Võ Đường.
- Tháng 9, chiêu ban cho các học trò Nho sĩ vào Viện Quốc Tử để giảng học sách Tứ thư, Ngũ kinh.

Vậy, phải chăng quốc học là phải vừa học văn vừa học võ, mà về văn là học Nho? Xin thưa ngay, vừa học võ vừa học văn thì đúng, nhưng văn đây không phải chỉ là nho học, càng không phải là Nho, kiểu Khổng giáo Trung Hoa, mà là Nho Việt. Bởi vậy, Chu Văn An mới phải viết Tứ Thư Thuyết Ước và Hồ Quý Ly mới có Minh Đạo phê bình cả Khổng Tử, Chu Tử lẫn các danh

nho đời Tống, và đã là cái cớ cho Minh Thành Tổ đem quân sang đánh nước Nam.

Muốn hiểu rõ cái học đó về hình thức, cũng như về nội dung như thế nào, thì phải cần một tham luận khoa học. Đó là đối tượng của một bài khác, không thuộc phạm vi bài này. Ở đây chỉ xin vắn tắt:

- Về hình thức, dùng Nho giáo như một cái khung, lấy Nho giáo để đào tạo nhân tài theo tinh thần tam giáo đồng nguyên trong cái nôi văn hóa Việt. Bởi vậy mới có những kỳ thi tam giáo từ đời Kiến Trung thứ 3 (1228), Trần Thái Tông; bởi vậy mới có những cư sĩ Phật giáo đem đạo vào đời theo tôn chỉ lấy Nho xiển dương Phật như được minh định trong Thiền Tông Chỉ Nam.

- Về nội dung, lấy tam giáo đồng nguyên làm gốc. Phải nói ngay rằng, không chỉ riêng Việt Nam mới có tam giáo đồng nguyên, mà Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn cũng có tam giáo đồng nguyên. Có điều nội dung của tam giáo đồng nguyên Việt Nam khác với Nhật Bản và Đại Hàn. Và đó là vấn đề sẽ xin bàn đến ở một dịp khác. Chỉ xin nói ngay cả Nho lẫn Phật, Lão Việt đều dựa vào chữ Tâm, đều lấy tôn chỉ giúp dân, giúp nước, cứu đời làm chính. Cốt lõi của Nho xin dành để nói trong điểm 2 và 3 dưới đây.

Về nội dung Phật thì câu chuyện đối đáp giữa Trần Thái Tông và Phù Vân Quốc sư tại núi Yên Tử khi sư nói: *“Hễ đã làm một vị vua, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm thiên hạ là tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón vua về, Nhà vua không về được sao?”* đã khiến nhà vua phải trở về cung đảm nhận trách nhiệm của mình, và trở thành một vị vua tốt, thì hiểu được phần nào vai trò của Phật học trong quốc học đời Trần.

Còn vai trò của Lão học? Xin đọc một đoạn văn, vốn là một bài đối trong kỳ thi Lão học đầu tiên đời Trần để hiểu sự đóng góp của tín ngưỡng này trong tư tưởng và quốc học thời đó:

“Trước hết, chỉnh lại tâm thì tà mị không thể lay chuyển.

Trước hết, chỉnh lại thân thì tà khí không thể chiếm đoạt.

Tâm đã chỉnh rồi thì lấy đấy mà ra ơn cho dân; nuôi cho khỏi bị thương, giúp cho khỏi bị nguy, hậu đãi cho khỏi bị khổ, khi ấy dân gian đều yên vui giàu thọ.

Thân đã chỉnh rồi thì lấy đấy mà giúp chúng, kẻ nguy được an, kẻ đắm chìm được cứu vớt, kẻ chết đi sống lại. Khi đó dân đều được sung sướng về khí hòa nội quang. Như thế là đời này, dân này hơn hờ trèo lên đài xuân, vui mừng bước vào cõi thọ. Ấy là dài lâu mệnh mạch của sinh dân, mạnh mẽ cái nguyên khí của nhà nước.

Xét cái lẽ sở dĩ nhiên, chẳng phải bởi phép chính tâm, chỉnh thân sao?” (1).

Đến đây, tưởng chúng ta có thể đồng ý với GS. Nguyễn Đăng Thục để định nghĩa quốc học như sau: *“Quốc học là cái học của một nước, một dân tộc có ý chí chung sống theo một đường lối mình lựa chọn, thích hợp với hoàn cảnh địa lý, lịch sử nhất định ngõ hầu đào tạo lấy lớp người lãnh đạo chỉ huy trong nước”* (2).

Với cái học có tôn chỉ rõ ràng như thế, ta không lấy làm lạ đời Trần đã đào tạo được nhiều nhân tài giúp nước, nhiều tướng lãnh văn võ toàn tài, mà Chu Văn An là một người nòng cốt, vừa có công góp phần gây dựng nên nền quốc học đó, mà vừa, đúng như lời khen của tác giả Đại Việt Sử Ký Toàn Thư: *“... Thực đáng coi là ông tổ của nhà nho nước Việt ta mà thờ vào Văn miếu ...”*

“Những người khác như Trần Nguyên Đán, là bậc hiền tài trong các danh sỹ... Trương Hán Siêu là ông quan văn học vượt hẳn mọi người ... Họ so với Văn Trinh có gì đáng kể, huống hồ là những kẻ còn kém hai ông này!” (3).

II - Tinh thần Chu Văn An = Phù chính nghĩa chứ không phù chính thống

Đọc tiểu sử Chu Văn An, điều người ta khâm phục ông nhất là việc ông dâng sớ xin chém 7 nịnh thần, đều là những người có quyền thế. Việc đó được chính sử ghi như sau: *“Dụ Tông*

ham chơi bời, lười chính sự, quyền thần nhiều kẻ làm trái phép nước. An khuyên can, Dụ Tông không nghe, bèn dâng sớ chém bảy tên nịnh thần, đều là những kẻ quyền thế được vua yêu. Người bấy giờ gọi là “Thất trăm sớ”. Sớ dâng lên nhưng không được trả lời, ông liền treo mũ về quê. Ông thích núi Chí Linh bèn đến ở đấy. Khi nào có triều hội lớn thì đến kinh sư” (4).

Việc làm kinh thiên động địa này quả là đã làm rung động lòng người là nguồn cảm hứng bất tận của nhiều văn nhân học giả đời sau. Xin đan cử bốn đoạn văn thơ như sau:

- Trước hết là câu đối trước đền thờ ông tại Xóm Văn, quê hương ông:

*Chính học tứ thư, tà thuyết ước
Trung ngôn nhất sớ, vọng tâm hàn*

*(Theo chính học, viết tứ thư (thuyết ước) lánh xa
tà thuyết.
Luôn nói thẳng, dâng một sớ, lòng lạnh sự sằng)*
(5)

- Lê Tung đóng góp một bài tứ tuyệt còn ghi trong *Việt Giám Thông Khảo* tổng luận:

*Thất Trảm chi sớ
Nghĩa động càn khôn
Vạn ngôn chi thư
Tranh quán nhật nguyệt*

*(Dâng thơ chém bảy ác ôn
Oai phong chấn động, càn khôn kinh hoàng
Lời văn trùng điệp hàng hàng
Sáng như nhật nguyệt, ẩn tàng thuyết minh)* (6)

- Vua Tự Đức đã có bài thất ngôn tứ tuyệt trong *Việt sử Tổng vịnh*:

*Thượng tường sơn đảo thế gian sự,
Tâm dự nhân quai nhất khứ trì.
Thất trảm sớ thành thiên địa giám,
Trực thanh bất cộng hữu Trần suy!*

*(Non cao, Bắc Đẩu bậc thầy,
Một đi làm tấm gương tầy thế gian.*

*Sớ dâng, trời đất biết gan,
Lòng trong không toại, đời Trần suy
vi) (7)*

- Đặc biệt Cao Bá Quát, một kẻ sĩ cao ngạo mà gan cũng bằng trời, vậy mà trước khí thế lẫm liệt của thầy Chu cũng cúi đầu tâm phục:

*Lôi đình bất tỏa cô trung phẫn,
Quỷ mị do kinh thất trảm chương.
Hạo khí dĩ bằng thiên địa bạch,
Cao phong do đối thủy sơn trường.*

*(Sấm uy khôn chặn người trung nghĩa,
Sớ trảm kinh hoàng lũ quỷ vương.
Khí thế tràn dâng, trời đất ngát
Gió cao thổi lộng núi sông trường)*

Và:

*Thử bang cổ vị phủ danh nhân
Tiểu Ẩn, Úc Trai đỉnh song tuyệt*

*(Đất này xưa lắm danh tài
Cụ Tiểu Ẩn, Cụ Úc Trai ai bì?)(8)*

Tuy nhiên, đời sau nói đến thất trảm sớ là ca tụng cái dũng, cái lòng vì nước vì dân của ông, không thấy ai nói đến lập trường chính trị, thái độ xử thế của ông, nghĩa là người ta mới bàn đến khúc đầu việc ông dùng thất trảm sớ mà chưa luận đủ về khúc sau khi sớ không được vua đáp ứng. Ông khẳng khái rũ áo từ quan, không màng chính trị, bởi ông cho rằng một triều vua như vậy, triều vua không nghĩ đến quyền lợi của dân, không phụng sự quyền uy của nước thì không còn chính nghĩa nữa, dù vẫn là triều vua chính thống. Ông đã chọn thái độ “phù chính nghĩa” chứ không “phù chính thống”. Đó đúng là thái độ của những kẻ sĩ chân chính, theo đúng quan niệm của Nho Tiên Tần, không phải Hán Nho, Tống Nho, đúng như câu: hữu đạo thì xuất, vô đạo thì về ở ẩn (xử).

III - Tinh thần Chu Văn An = Tinh thần cùng lý chính tâm chứ không cùng lý trí tri

Như trên đã nói, học phong đời Trần nói chung vụ vào thực học, cốt phụng sự quyền lợi dân nước, lo cho đời. Chu Văn An là một trong những tác giả góp công xây dựng lên nền quốc học này. Theo Lê Quý Đôn, cái học của ông là cái học “cùng lý chính tâm”, phối hợp lý thuyết với hành động, mục đích để giúp mình nên người và cứu đời lưu truyền ân đức lại về sau. Tác phẩm của ông để lại trong đó có *Tứ Thư Thuyết Ước* và *Tiểu Ấn Tập* đã nói lên điều đó. Những tác phẩm này nay không còn nữa, nhưng căn cứ vào 12 bài thơ còn lại cộng với những câu chuyện truyền miệng trong dân gian, những bản thân phả, những tấm bia cổ, hay ngọc phả, học giả họ Lê đã tóm thâu học lý của ông vào tám chữ: “*cùng lý chính tâm - tịch tà cự bỉ*”.

Câu chuyện phản ánh tinh thần này cũng là chuyện được dân gian quê hương Thầy Chu Văn An truyền tụng nhiều nhất. Chuyện kể: “Trường Thầy Chu ở Huỳnh Cung (xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Đông) dạy hay đến nỗi con vua Thủy Tề vùng đầm Rồng phải hiện thành người lên theo học. Người học trò này mang tên Tú Sĩ, vóc dáng kỳ vĩ, chăm chỉ học hành mà lối học cũng không giống người thường nên lý lịch không qua mắt được Thầy Chu. Gặp năm vùng đó hạn hán, dân tình đói khổ, hoàn cảnh vô cùng thê thảm. Thầy Chu gọi riêng người môn sinh đặc biệt này mà nói: “Anh theo học trường ta đã ba năm. Ta xét kỹ anh không phải hạng tầm chương trích cú. Mục đích của sự học là để giúp mình thành nhân, và để giúp đời hậu có ân huệ truyền lại về sau. Đó đều là phận sự của nhà nho chúng ta. Nay trời làm hạn hán, chính là dịp để anh thi thố sở trường, giúp dân lưu tiếng thơm lại muôn đời đấy”. Nghe lời thầy dạy, Tú Sĩ không dám cãi, tuy biết rằng hạn hán là mệnh trời, làm trái lệnh thiên đình ắt không tránh được tội. Nhưng rồi người học trò thần đó đã chọn vâng theo lệnh thầy mà làm trái luật trời. Đêm đó mưa thực lớn, sấm sét vang trời. Sáng hôm sau trời quang mây tạnh, dân thấy có con thuồng luồng bị sét đánh chết làm đôi, nằm phơi bụng bên bờ sông Tô. Người ta biết đó là con vua Thủy Tề, vì cãi mệnh trời nên bị phạt chết. Dân rất thương cảm, chôn cất ngay bên bờ sông và

lập miếu thờ, mộ thì gọi là mộ ông Lốt, miếu có tên là “Xá Cấn Từ” gọi nôm là Miếu Gàn. Miếu và mộ hiện vẫn còn ở thôn Bằng Liệt, không xa Huỳnh Cung. Ngày rằm mừng một vẫn được dân làng hương khói phụng thờ. Câu Thầy Chu dạy người học trò thần của mình được diễn ra ở trên nguyên văn như sau: “*Thành kỷ sở dĩ thành nhân, trạch cập sinh dân, ân lưu hậu thế, giai ngô Nho phận sự*”. Từ nguyên lý này, Lê Quý Đôn đi đến kết luận: “*Tiên sinh xử đạo tôn nghiêm, kỳ học chí cùng lý chính tâm, tịch tà cự bỉ*” (phép dạy người của ông rất tôn nghiêm, mà học lý xét đến sự cùng tột của sự vật, giữ lòng ngay thẳng, xua điều tà bậy, chống cự điều gian dối”.

Nói tóm lại, đó là cái học để giúp mình nên người (thành nhân), để cứu người giúp đời, chứ không phải chỉ học để cầu danh, mưu lợi, vinh thân phì gia. Cái học đó phải hợp nhất trí thức với hành động, đúng như lời phẩm bình của GS. Nguyễn Đăng Thục như sau:

“*Xem thế thì có thể biết được điểm chính về khuynh hướng đạo học của họ Chu thuộc về khuynh hướng đạo đức tâm linh thực hiện hợp nhất cả tri thức (cùng lý) và hành động (chính tâm). Chủ trương ấy có khác với lý học của Chu Hy nhà Tống bên Tàu chủ trương “cùng lý trí tri”, thiên về một mặt tri thức mà bỏ mất mặt “chính tâm tu thân” vậy. Hơn nữa, đem việc “cùng lý” hợp với “chính tâm”, họ Chu có phân biệt ra Lý với Tâm ở bước đầu, nhưng công phu học tập đưa đến kết quả là cứu cánh lý với tâm biến làm một, chứ không phải lý là tâm ngay từ đầu để rồi như nhà Phật muốn tìm lý chỉ phải “để tâm quan tâm” mà thôi. Như vậy thì tâm cá nhân ở trong với thiên lý ở ngoài chỉ là hai phương diện biểu hiện của một Thực tại tối cao là Tính bản thể Thiên mệnh mà học giả phải tiếp cận hay là cận đạo bằng trí thức (cùng lý) và bằng hành động (chính tâm). Bởi thế nên theo liền sau việc “cùng lý chính tâm” mới có việc “tịch tà cự bỉ” vậy. Và lời dạy Tú Sĩ về mục đích của Nho học Việt: “thành kỷ sở dĩ thành nhân, trạch cập sinh dân, ân lưu hậu thế, giai ngô Nho phận sự”, nghĩa là phận sự của nho sĩ là đi học cho nên người là để giúp đời, phụng sự quốc gia dân tộc chứ không phải để giải thoát tự do cho cá nhân, hay là để hợp vào thiên*

mệnh vũ trụ ngoài chế độ nhân sinh hành vi. Đây là khuynh hướng đạo đức tâm linh thực hiện của Chu Văn An cho nên đã có hiệu lực cảm hóa rất mau nhiệm nhờ công phu khí hóa thuần túy đạo học mà tự nhiên ảnh hưởng lan tràn không gian và thời gian.

Tuy khuynh hướng Nho học tâm linh ấy có khác về phương pháp luận thực hiện với Lão học và Phật học, nhưng họ Chu không bài bác Phật, Lão mà quan niệm tịnh hành, như lời thơ của Trần Nguyên Đán đã xưng tụng: “Kính Lão sùng Nho chính hóa tân!”.

Cái tinh thần khai phóng ấy đã biểu lộ trong lời thơ “Tiểu Ẩn” mà Phan Huy Chú bình là:

Âm : “Thanh vắng u dật ... nhàn nhã tự tại do khả tưởng kỳ ẩn cư chi cao thú dã” (Văn tịch chí)

Nghĩa : “Trong vắng, kín đáo, yên vui ... thông dong thỏa thích, có thể tưởng tượng thấy cái ý muốn cao siêu ở ẩn của tác giả vậy”.

Tuy nhiên bên trong vẫn hoài bão cái lý tưởng vì đời hơn là ở ẩn” (9).

Muốn cho sự hiểu biết về Chu Văn An được đầy đủ thì còn cần nghiên cứu đến những phản đề liên quan đến nguồn gốc, quê quán, học vấn, sự nghiệp, tác phẩm, tư tưởng ... của ông. Trong một tác phẩm mới xuất bản gần đây, quyển Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm, Trần Quốc Vương có đưa ra một số phản đề về những điểm vừa nêu trên (10). Tuy nhiên, những ý kiến này còn cần nghiên cứu lại. Thí dụ: nói rằng Phạm Sư Mạnh và Lê Quát đều muốn cải tổ Đại Việt theo mô hình Hoa Nho (chữ của TQV) đến nỗi vua Minh Tông phải phán: “Nhà nước đã có phép tắc riêng, Nam, Bắc khác nhau, nếu nghe kế của bọn học trò mặt trắng tìm đường tiến thân thì sinh loạn ngay” (11), và Nghệ Tông sau này cũng nhắc lại: “Bản triều dựng nước có chế độ riêng, không theo chế độ nhà Tống bên Tàu. Bởi phương Nam, phương Bắc mỗi dân tộc làm chủ nước mình, không bắt chước lẫn nhau được. Khoảng năm Đại Trị (1358 - 1369, sau khi Minh Tông mất), bọn học trò mặt trắng làm việc nước, không hiểu thấu ý muốn sâu xa của sự dựng nước,

đã đem phép tắc của ông cha xưa, rập theo phong tục phương Bắc, ví như: quần áo triều phục, nghệ thuật, âm nhạc, văn chương, không thể kể hết các thứ. Bởi vậy việc đầu tiên xếp đặt lại chính sự ngày nay là hết thấy phải tôn trọng thể lệ những năm khai phóng khai thái (1324 - 1329) (Ghi thêm: tức quay lại thể lệ triều Trần Minh Tông)” (12).

Rồi Trần Quốc Vương kết luận: “Như vậy phải chăng các học trò Chu Văn An như Lê Quát, Phạm Sư Mạnh ... là những “đứa con tinh thần” của ông, và chính họ khi làm đại quan đã áp dụng học thuyết của ông để “thay đổi chế độ mà bị cản trở, bị thất bại và khiến ông thất vọng, đã ở ẩn. Đó vẫn còn là một vấn nạn của lịch sử Việt Nam của thế kỷ 14” (13).

Kết luận như thế hình như trái với những gì sử gia đời trước và những học giả đồng thời với ông nhận xét về ông. Xin đan cử vài thí dụ:

- Chính sử ghi:

“Hãy lấy Văn Trinh mà nói, thì vua tất thẳng thắn can ngăn, xuất xử thì làm theo nghĩa lý, đào tạo nhân tài thì công khanh đều ở cửa ông mà ra, tiết tháo cao thượng thì thiên tử cũng không thể bắt ông làm tội được. Huống chi, tư thế đường hoàng mà đạo làm thầy được nghiêm, giọng nói lẫm liệt mà bọn nịnh hót phải sợ. Ngàn năm về sau nghe phong độ của ông há không làm cho kẻ điều ngoa thành liêm chính, người yếu hèn biết tự lập được hay sao?” (14).

- Người đồng thời với Chu Văn An như Trần Nguyên Đán viết:

Học hải hồi lan tục tái thuần
Thượng tường Sơn Đẩu đắc tư nhân
Cùng kinh bác sử công phu đại
Kính lão, Sùng Nho chính hóa tân
Bố miệt mang hài qui vĩnh nhật
Thanh đầu bạch phát dục Nghi Xuân
Huân hoa chỉ thị thủy thường trị
Tranh đắc Sào, Do tác nội thần
(Thối thuần biến học, sóng tài xoay
Sơn, Đẩu trường cao được đón thầy
Rộng sử thông kinh công dụng lớn

*Sùng Nho, kính lão kỷ cương hay
Ngày về núi cũ hài rơm bước
Xuân tắm dòng Nghi tóc trắng bay
Nghieu, Thuấn rử xiêm thành thịnh trị
Sào, Do đâu có chịu ra tay* (15)

Đó là chưa kể có những ý kiến về Phạm Sư Mạnh và Lê Quát đã phản bội lại những gì đã học nơi cửa Thầy Chu, như: “*Lê Quát cùng với Phạm Sư Mạnh là đệ tử thành đạt của Chu Văn An mà đã có khuynh hướng hẹp hòi bế quan không cởi mở như thầy, là vì càng ngày Nho học Việt Nam càng bị cái uy thế của Tống Nho ảnh hưởng, cho nên mới lấy sự bài bác Phật Lão làm chính nghĩa. Kỳ thực như thế là đã bỏ mất lập trường khai phóng thông cảm của họ Chu*” (16).

Và:

“*Nhà nho họ Chu vẫn thông cảm với nhà Phật và nhà Lão ở điểm giữ cho “thân thanh tịnh” với cái tâm “siêu nhiên”, tức là tư tưởng tâm linh thực hiện thực nghiệm vậy. Cái tinh thần chính học ấy chú trọng vào công phu thực hiện và thực nghiệm, không để ý vào biện thuyết suy luận cho nên khác với Tống Nho ham tranh luận về tâm là hai hay chỉ có một tâm, cách vật là đến vật mà xét hay là chính tâm v.v... để rồi chỉ độc tôn Nho học mà bài Lão và Phật.*

Cái tôn chỉ nho học khai phóng đặc biệt ấy mà hậu Nho đều xưng tụng lại không được chính Nho học Việt Nam trung thành, ví như Lê Quát là cao đệ thành đạt của Chu Văn An đã phản bội bằng bài “làm sáng tỏ đạo Thánh (Nho), bài trừ các mối học khác” “minh Thánh đạo, tịch dị đoan” là tôn chỉ của Tống Nho” (17).

Nhưng đó không phải là đối tượng của bài này và xin được dành lại trong một bài tham luận khoa học đầy đủ hơn về Chu Văn An.



Bên cạnh những sử liệu tương đối ít ỏi và có khá nhiều mâu thuẫn - điều này cũng dễ hiểu vì không riêng với Chu Văn An mà đối với tất cả các nhân vật lịch sử khác trước thời Việt Nam bị

quân Minh xâm chiếm (1414 - 1427), tài liệu khan hiếm như vậy, lý do vì nhà Minh đã hoặc đốt hết hoặc tịch thu hết sách sử của ta đem về Tàu - còn có một kho huyền tích khác đồ sộ nói về Chu Văn An, tất nhiên cũng có không ít mâu thuẫn với văn bản lịch sử. Bỏ qua những dị biệt tiểu tiết, nói chung cả huyền tích lẫn lịch sử đều bổ túc cho nhau để tạo dựng lên một Chu Văn An, như một biểu tượng, với những đặc tính cao quý xứng đáng là vị phụ tử, vị thầy đầu tiên của học giới nước ta; xứng đáng được thờ tại văn miếu cũng như được thờ trong tâm khảm của nhiều sĩ tử người Việt ngày nay.

May mắn cho những ai đã được theo học dưới mái trường mang tên vị phụ tử khả kính để được ấp ủ, được nuôi dưỡng trong cái tinh thần Chu Văn An cao quý kia vậy.

CUNG ĐÌNH THANH

Chú Thích:

- 1 - Nguyễn Đăng Thục, Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam, Tập 6, nxb Tp HCM, 1998, trg 315 - 316.
- 2 - Nguyễn Đăng Thục, sđd, trg 297.
- 3 - ĐVSKTT, Tập II, nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1985, trg 153.
- 4 - ĐVSKTT, sđd, trg 151 - 152.
- 5 - Trần Quốc Vương, Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm, nxb Văn Học, Hà Nội, 2003, trg 720.
- 6 - Nguyễn Xuân Vinh, Đặc san Chu Văn An Xuân Canh Thìn 2000, Hội Ái Hữu Cựu HSCVA, Bắc California, trg 15 - 16.
- 7 - Nguyễn Xuân Vinh, tldd, trg 11.
- 8 - Nguyễn Quý Liêm, Trên đường tìm hiểu sự nghiệp thơ văn Nguyễn Trãi, nxb Văn Học, Hà Nội, 1980, trg 271.
- 9 - Nguyễn Đăng Thục, sđd, trg 329 - 330.
- 10 - Trần Quốc Vương, sđd.
- 11 - ĐVSKTT, sđd, trg 138.
- 12 - ĐVSKTT, sđd - Nguyễn Đồng Chi, Cổ Văn học sử.
- 13 - Trần Quốc Vương, sđd, trg 721.
- 14 - ĐVSKTT, sđd, trg 152.
- 15 - Đào Phương Bình dịch, Thơ Văn Lý Trần, trg 164.
- 16 - Nguyễn Đăng Thục, sđd, trg 340 - 341.
- 17 - Nguyễn Đăng Thục, sđd, trg 338.